

Số: 461/QĐ-SNN

Đắk Lắk, ngày 31 tháng 03 năm 2017

## QUYẾT ĐỊNH

V/v Phê duyệt dự toán chăm sóc, chọn tạo để bình tuyển  
cây vải đầu dòng năm 2017

### GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT

Căn cứ Quyết định số 2341/QĐ-UB ngày 28/8/2015 của UBND tỉnh về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Quyết định số 661/QĐ-SNN ngày 27/6/2016 của Sở Nông nghiệp và PTNT, V/v phê duyệt Kế hoạch - Dự toán chăm sóc, chọn tạo để bình tuyển cây vải đầu dòng giai đoạn năm 2016-2018; Nghị định số 153/2016/NĐ-CP ngày 14/11/2016 của Chính phủ, Quy định mức lương tối thiểu vùng đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động;

Căn cứ Quyết định số 3849/QĐ-UBND ngày 26/12/2016 của UBND tỉnh về việc giao dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2017 cho các cơ quan, đơn vị thuộc ngân sách cấp tỉnh; Công văn số 175/STC-HCSN ngày 20/01/2017 của Sở Tài chính về việc thẩm định phân bổ dự toán thu, chi NSNN năm 2017;

Xét Tờ trình 75/TTr-TrTG ngày 29/3/2017 của Trung tâm giống cây trồng vật nuôi, V/v điều chỉnh đơn giá nhân công và bổ sung kinh phí chăm sóc, chọn tạo để bình tuyển cây vải đầu dòng giai đoạn 2016-2018;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Kế hoạch, tài chính,

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt dự toán chăm sóc chọn tạo để bình tuyển cây vải đầu dòng năm 2017 cho Trung tâm giống cây trồng vật nuôi, như sau:

- 1- Tên giống vải: **U Hồng** và **Yên Phú**
- 2- Số lượng chọn tạo: 30 cây (15 cây trồng năm 2004; 15 cây trồng năm 2005)
- 3- Thời gian thực hiện: 3 năm (Giai đoạn 2016 – 2018)
- 4- Kế hoạch - Dự toán thực hiện năm 2017: 24.015.750 đồng
- 5- Địa điểm thực hiện: Trại giống tổng hợp
- 6- Nguồn vốn:
  - + Ngân sách tỉnh đã bố trí năm 2017: 13.500.000 đồng
  - + Đơn vị cân đối từ dự toán NSNN năm 2017: 10.515.750 đồng(kèm theo phụ biểu chi tiết)

**Điều 2:** Trưởng phòng Kế hoạch, tài chính; Thủ trưởng đơn vị dự toán chịu trách nhiệm thi hành quyết định này kể từ ngày ký. /.

**Nơi nhận:**

- Như điều 2;
- Đ/c Giám đốc Sở;
- Đ/c Thích PGD sở;
- Lưu VT, KHTC (K7b).



## DỰ TOÁN CHĂM SÓC CHON TẠO CÂY VÀI ĐÀU DÒNG NĂM THỨ 2

(Kèm theo Quyết định số 461/QĐ-SNN ngày 18/02/2017 của Sở Nông nghiệp và PTNT)



Đơn vị tính: đồng

T T	Nội dung	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Vật tư</b>				<b>8.672.200</b>	
1	Urê	Kg	39,6	9.000	356.400	Thanh toán giá vật tư theo thời điểm mua
2	Lân Supe	Kg	60,0	4.200	252.000	
3	Kali Clorua	Kg	50,4	9.500	478.800	
4	Thuốc BVTV (trừ sâu)	Lít			1.500.000	
5	Thuốc BVTV (trừ bệnh)	Kg				
6	Phân chuồng	M3	2,1	1.000.000	2.100.000	
7	Thuốc kích thích ra hoa đậu quả	Lít	3	150.000	450.000	
8	Thuốc chống rụng quả	Lít	6	220.000	1.320.000	
9	Thuốc chống nứt quả	Lít	3	150.000	450.000	
10	Chế phẩm sinh học	Lít	3	180.000	540.000	
11	Kéo cắt thu hoạch quả	Cái			0	
12	Cưa tay	Cái			0	
13	Dụng cụ thu hoạch, bảo quản	Bộ	1	725.000	725.000	
14	Văn phòng phẩm	Bộ	1	500.000	500.000	
<b>II</b>	<b>Lao động (BQ công nhân bậc 3)</b>				<b>14.426.542</b>	
1	Làm cỏ (30 cây)	Công	8	131.818	1.054.545	Đơn giá nhân công theo ND 153/2016/ND-CP
2	Tạo bồn, cào lá (30 cây)	Cây	30	25.000	750.000	
3	Bón phân hóa học, phân chuồng	Công	5	131.818	659.090	
4	Phun thuốc sâu, bệnh	Công	14	131.818	1.845.455	
5	Tỉa cành, tạo hình	Công	6	131.818	759.272	
6	Khoanh vỏ	Công	4,0	131.818	527.272	
7	Tưới nước	Giờ	32,0	120.000	3.840.000	Theo thực tế
8	Thu hoạch	Công	5	131.818	659.090	ND 153/2016/ND-CP
9	Đóng gói gửi phân tích mẫu	Công	1,0	131.818	131.818	Theo thực tế
10	Chi phí phân tích mẫu	Mẫu	8,0	500.000	4.000.000	
11	Vận chuyển mẫu				200.000	
<b>III</b>	<b>Chi phí dự phòng</b>				<b>917.008</b>	
	<b>Tổng cộng</b>				<b>24.015.750</b>	

Số tiền: (Hai mươi bốn triệu, không trăm mười năm nghìn, bảy trăm năm mươi đồng chẵn) *lul*